

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT

Thanh Hóa, Ngày ... tháng ... năm 2013.

Mục Lục

I. Thông tin chung	3
1. <i>Thông tin khái quát</i>	<i>3</i>
2. <i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	<i>3</i>
3. <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	<i>4</i>
4. <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i>	<i>4</i>
5. <i>Định hướng phát triển</i>	<i>11</i>
6. <i>Các rủi ro</i>	<i>11</i>
III. Tình hình hoạt động trong năm	14
1. <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>15</i>
2. <i>Tổ chức và nhân sự</i>	<i>20</i>
3. <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i>	<i>31</i>
4. <i>Tình hình tài chính</i>	<i>33</i>
5. <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>35</i>
2. <i>Tình hình tài chính</i>	<i>35</i>
3. <i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</i>	<i>37</i>
4. <i>Kế hoạch phát triển trong tương lai</i>	<i>40</i>
V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	40
1. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty</i>	<i>40</i>
2. <i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty</i>	<i>40</i>
VI. Quản trị công ty	3.
<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</i>	<i>44</i>
VII. Báo cáo tài chính	44
1. <i>Ý kiến kiểm toán</i>	<i>44</i>

I. Thông tin chung*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT
- Giấy CNĐKKD : Số 2801330959 cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2009, thay đổi lần thứ 03, ngày 01 tháng 03 năm 2012 do phòng đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp
- Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : 25.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại : 037.3621880
- Số fax : 037.3621880
- Website : spilit.com.vn
- Mã cổ phiếu : SPI

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Đá Spilít thành lập ngày 13 tháng 04 năm 2009 với đăng ký kinh doanh số 2801330959 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000.000 VND, gồm 4 cổ đông gồm: 2 cá nhân là ông Đoàn Quốc Tuấn, ông Nguyễn Văn Phái và 2 tổ chức là Công ty cổ phần Khoáng sản Hòa Bình, Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn. Ngành nghề kinh doanh chính là khai thác quặng kim loại màu, khai thác các loại khoáng sản, dịch vụ

khoan nổ mìn, khai thác đá, sản xuất đá xẻ và hoàn thiện đá xẻ. Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn Phái.

- Ngày 07 tháng 04 năm 2010 Công ty cổ phần Đá Spilít thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 1.200.000.000 VND lên 3.500.000.000 VND, đồng thời thay đổi người đại diện theo pháp luật và giám đốc công ty là ông Trần Quế Lâm.

- Ngày 05 tháng 05 năm 2011 Công ty cổ phần Đá Spilít thay đổi lại đăng ký kinh doanh đồng thời tăng vốn của công ty từ 3.500.000.000 VND lên 30.000.000.000 VND, đồng thời đăng ký thêm một số ngành nghề sản xuất kinh doanh như lắp đặt hệ thống điện, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao...

3. *Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm truyền thống của công ty*

a) *Ngành nghề kinh doanh:*

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất gạch)
- Khai thác và chế biến các loại khoáng sản.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Khai thác và chế biến các loại khoáng sản trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm)
- Khai thác và thu gom than cứng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (Dịch vụ khoan nổ mìn)
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Sản xuất vôi)

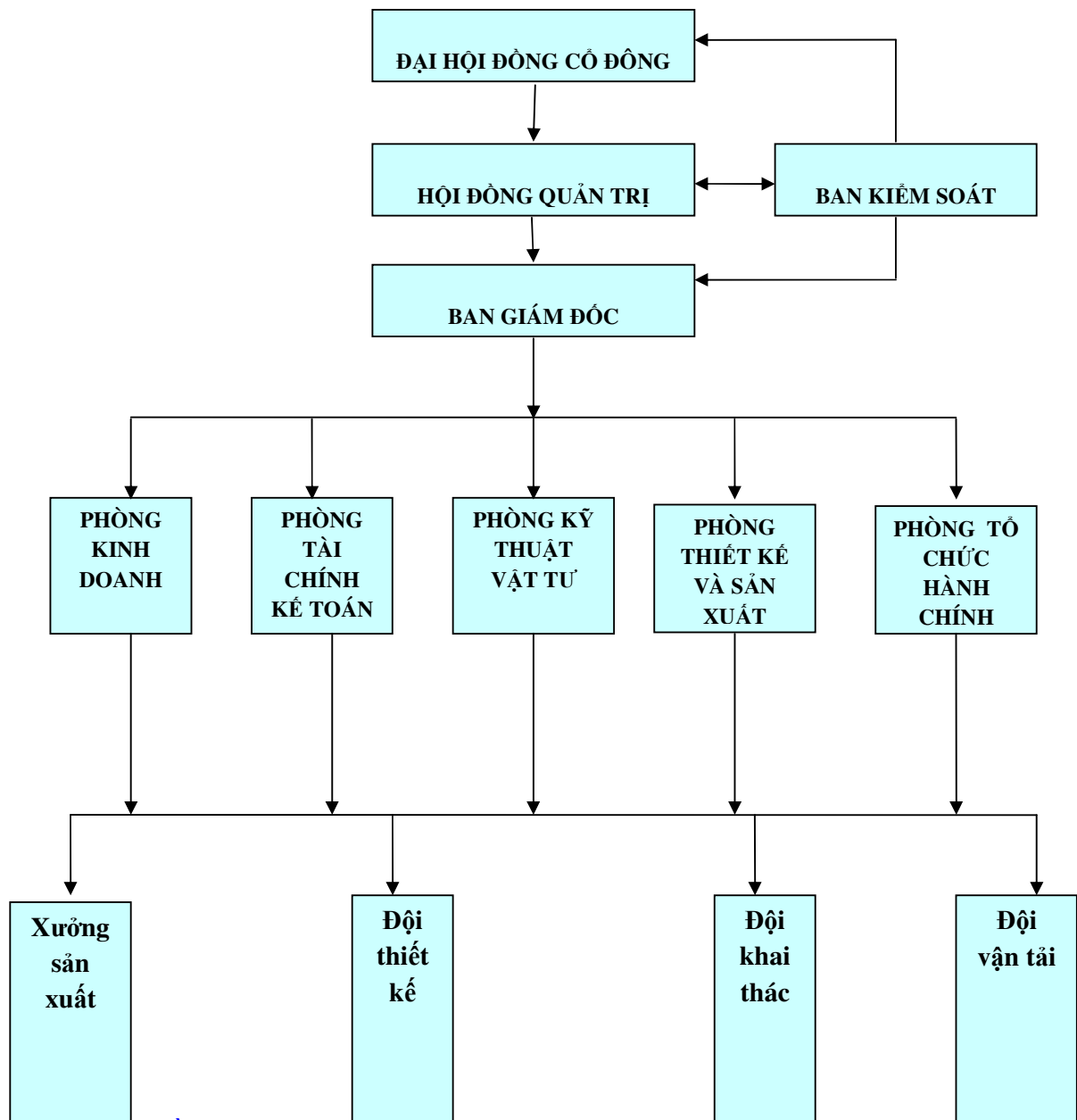
b) *Các sản phẩm truyền thống của Công ty:*

- Khai thác đá Spilít
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá

- Đá Spilít các kích cỡ khác nhau, hình dáng khác nhau.
- Đá các loại gồm nhiều kích cỡ khác nhau, hình dáng khác nhau.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.



- Diễn giải sơ đồ

Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.

- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Chức năng các phòng ban

Phòng Kinh doanh:

Tổ chức kinh doanh bán các sản phẩm của công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc sản xuất kinh doanh của công ty.

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong công trường thi công, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc.

Phòng Kỹ thuật vật tư

- Phòng có chức năng quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch sửa chữa định kỳ hàng tháng, hàng quý đối với từng loại thiết bị máy móc để trình lên Ban Giám đốc phê duyệt, đảm bảo sao cho toàn bộ các thiết bị máy móc của các nhà máy, công trường định kỳ được bảo dưỡng, vận hành tốt nhưng đồng thời phải đảm bảo tính vận hành liên tục của sản xuất.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các công trường thi công của Công ty.
- Mua bán vật tư, máy móc thiết bị khi công ty có nhu cầu.

Phòng Thiết kế và sản xuất

- Phòng có chức năng thiết kế những sản phẩm phục vụ cho việc sản xuất đá của công ty đúng theo yêu cầu của khách hàng và những sản phẩm có chất lượng trên thị trường.
- Tổ chức sản xuất các sản phẩm theo thiết kế theo yêu cầu của khách hàng và thị trường, đảm bảo chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Phòng Tổ chức Hành chính

Phòng Tổ chức Hành chính có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.

-
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

Các Xưởng, đội trực thuộc:

Xưởng sản xuất:

- Sản xuất các sản phẩm chế tác từ đá với các loại hình dáng, kiểu cách, số lượng khác nhau theo yêu cầu của phòng thiết kế và phòng kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra phải đạt yêu cầu đề ra, tránh lãng phí;
- Yêu cầu đội khai thác, khai thác những khối đá phù hợp để phục vụ cho việc chế tác các sản phẩm.

Đội Thiết kế:

- Thiết kế ra các sản phẩm đá với nhiều kiểu cách khác nhau theo yêu cầu đặt hàng của khách hàng và theo thị hiếu chung của người tiêu dùng trên thị trường tại thời điểm thiết kế
- Nghiên cứu sở thích, thị hiếu của người tiêu dùng nhằm đưa ra những mẫu thiết kế được nhiều người ưu chuộng, có giá trị kinh tế cao.

Đội khai thác:

- Có nhiệm vụ khai thác các mẫu đá phù hợp theo yêu cầu của xưởng sản xuất, số lượng đá để phù hợp với số lượng yêu cầu.
- Lên kế hoạch để cấp mìn và điều hành nhân lực vật lực phục vụ cho việc khai thác, đảm bảo an toàn khi khai thác.

Đội vận tải:

- Chuyển chở sản phẩm đá từ mỏ khai thác về xưởng sản xuất và từ xưởng sản xuất sản xuất giao cho khách hàng.
- Lên kế hoạch cấp nhiều liệu, con người phục vụ cho việc vận chuyển đề xuất lên phòng vật tư kỹ thuật để cung cấp.
- Các công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần Đá Spilit không có công ty con, công ty liên kết.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Tiếp tục phát huy tối đa kinh nghiệm và nguồn lực hiện có để đẩy mạnh phát triển lĩnh vực chính: Khai thác, chế biến đá, cát, hoàn thiện đá.

Duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội.

Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2010-2020 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10% trở lên

6. Các rủi ro

a) Rủi ro kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm 2003 đạt 7,3%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48%. Tuy nhiên khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009 và 2010 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32% và 6,78%.

Bước sang năm 2013, kinh tế Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức do nền kinh tế thế giới phục hồi chậm, khủng hoảng nợ công kéo dài ở khu vực châu Âu, thâm hụt ngân sách ở các nước phát triển....Ở trong nước, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, lạm phát, lãi suất đang còn ở mức cao ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất đời sống của nhân dân. Hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp rất nhiều khó khăn do thiếu vốn, sức mua trong nước giảm, nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Với những diễn biến về kinh tế thế giới và trong nước thời gian qua và triển vọng sắp tới, có thể thấy áp lực rất lớn để Việt Nam đạt được những mục tiêu kinh tế vĩ mô đã đề ra trong năm 2013. Dự báo năm 2013, khó khăn của doanh nghiệp về vốn, thị trường dần dần được tháo gỡ, việc làm và thu nhập của người dân sẽ được cải thiện, sức mua của người dân được tăng lên.

Những khó khăn và bất ổn về kinh tế sẽ ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đá Spilit trong năm 2013. Công ty luôn xác định rủi ro về tăng trưởng kinh tế là một trong những rủi ro cơ bản đối với không chỉ Công ty mà còn là rủi ro mang tính hệ thống đối với mọi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Do vậy, Công ty đã tính toán rủi ro này và có định hướng phát triển riêng dựa vào các thị trường tiềm năng và ổn định mà Công ty đang khai thác.

– Lạm phát

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 18,9%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,12% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ kéo theo giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, dẫn đến giá thành sản phẩm của Công ty cao, gây khó khăn cho Công ty trong công tác bán hàng và kiểm soát chi phí.

Năm 2013, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, bước đầu Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan. Tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định. Do đó, rủi ro về lạm phát đối với Công ty trong 2013 không phải là điều đáng lo ngại.

– Lãi suất

Do ảnh hưởng từ lạm phát, trong thời gian qua lãi suất ở Việt Nam luôn duy trì ở mức cao. Lãi suất cho vay cao khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn phục vụ sản xuất và làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp. Trong năm 2012, lãi suất cho vay đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh theo xu hướng giảm, đồng thời đã áp dụng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 13%/năm đối với 1 số lĩnh vực ngành nghề, tuy nhiên tình trạng dòng vốn bị tắc nghẽn vẫn đang là vấn đề cấp bách cần giải quyết với cả ngân hàng và các doanh nghiệp. Về phía Công ty Cổ phần Đá Spilit, bước sang năm 2013, với chính sách phòng tránh rủi ro lãi suất, đồng thời với dòng tiền khá ổn định, Công ty đã hạn chế sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Từ đầu năm 2011 đến nay, Ngân hàng Nhà nước triển khai loạt chính sách tập trung cho yêu cầu bình ổn thị trường ngoại hối như tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng thêm 9,3%, thu hẹp biên độ ấn định tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại từ +/-3% xuống +/-1%, tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, hạn chế tín dụng ngoại tệ,...Thời gian gần đây, tỷ giá liên tục được điều chỉnh tăng, các ngân hàng đưa ra giá mua và giá bán sát trần biên độ. Hiện tỷ giá niêm yết mua, bán USD của các ngân hàng thương mại phổ biến quanh khoảng 20.828 VND/USD.

b) Rủi ro luật pháp

Việt Nam đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế vì vậy pháp luật và các chính sách của Việt Nam thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Công ty mẹ, các hiệp hội, ... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ, tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho các doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

c) Rủi ro đặc thù ngành

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng các loại đá

nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, khí hậu...có thể ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty đồng thời làm tăng chi phí khai thác, chế biến,... Ngoài ra những thiên tai như bão lụt, hạn hán cũng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng khai thác của Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác và chế tạo các sản phẩm từ đá còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên môi trường đặc biệt là khói bụi và nước thải là một thách thức không nhỏ đối với Công ty.

Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản nói chung và đá nói riêng của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về quy định thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về cạnh tranh

Ngành khai thác đá và tạo ra các sản phẩm từ đá hiện nay rất phổ biến ở nước ta đặc biệt là ở những vùng có vùng núi cao, mật độ các loại núi đá nhiều như Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Yên Bái....Các doanh nghiệp cạnh tranh nhau về thị phần trên thị trường rất lớn, ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tình hình hoạt động trong năm**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và chế biến các loại khoáng sản đặc biệt là các sản phẩm như Đá khối, đá xẻ xanh Gambro, đá xẻ xanh cao cấp, đá xẻ đục thủ công, đá xẻ mài bóng góc cạnh....

Các sản phẩm chính công ty đang khai thác và sản xuất:

* Đá khối: là những khối đá khối lớn dạng thô, kích thước từ $0,8 \text{ m}^3 - 4 \text{ m}^3$ được khai thác trực tiếp tại Mỏ đá của công ty nhờ công việc khoan mạch đá và nổ mìn.

- Ứng dụng: Phục vụ cho nhu cầu sản xuất, chế tác đồ mỹ nghệ, **hàng đóng Container hoặc tàu rời**

* Đá xẻ xanh Gambro, đá xẻ xanh cao cấp: là những sản phẩm của đá khối, được vận chuyển từ mỏ xuống và đã được đưa vào máy cắt tạo dáng thành các kích cỡ khác nhau: Đá 60 x 60; 30 x 60; 30 x 30; 20 x 40; 10 x 10.....

- Ứng dụng: hoàn thiện các công trình xây dựng, các khu chung cư, dùng lát sàn lát cầu thang, đường vào các khu nghỉ dưỡng, Resort....

* Đá xẻ đục thủ công, đá xẻ mài bóng góc cạnh: là những sản phẩm sau khi cắt thành các kích cỡ sẽ được đưa vào hệ thống máy mài thô, mài tinh, mài guốc, mài bóng, mài vo cạnh để ra những sản phẩm cách điệu và bóng đẹp.

- Ứng dụng: dùng để ốp tường và trang trí.

Hình ảnh một số sản phẩm của Công ty:



Đá xẻ



Đá xẻ, đục thủ công

Mô khai thác: Hiện tại Công ty đang kết hợp với Hợp tác xã Công nghiệp Tân Sơn để khai thác đá Spilít. Cụ thể:

Giấy phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất số 459/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Diện tích khu đất là 13.000m² trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác là 10.000m²
- Diện tích khu vực khai trường là 3.000m²
- Trữ lượng khai thác là 90.000m³, công suất khai thác 30.000m³/năm

Công ty đang tiến hành hợp tác với các doanh nghiệp khai thác và có mỏ tại đại bàn huyện Hà Trung, Thanh Hóa. Đồng thời, Công ty đang xúc tiến để cấp thêm các mỏ đá và khoáng sản mới trên địa bàn, phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty được ổn định và phát triển.

Trong những năm qua, Công ty đã và đang cung cấp nhiều sản phẩm cho các đơn vị trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa, phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trang trí như:

- Cung cấp đá xẻ Gambro A cho Công ty cổ phần Thiết bị và xây lắp Công nghiệp tại Thanh Xuân, Hà Nội
- Cung cấp bột Talc men, đá Talc tuyển, Bột Talc xương cho chi nhánh Công ty cổ phần khai thác khoáng sản Sầm Sơn tại thành phố Hòa Bình.
- Cung cấp đá phụ gia, đá thạch anh CC, đá thạch anh thô, đá thạch anh hạt CC, đá xanh Gambro cho Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình tại tỉnh Hòa Bình.
- Cung cấp đá xanh Gambro xẻ cho công ty cổ phần sinh thái và đầu tư Thiên An, tại Hà Nội
- Cung cấp đá xanh Gambro xẻ cho Công ty cổ phần Đầu tư ARCHI tại Hà Nội
- Cung cấp đá phụ gia cho công ty cổ phần sản xuất thương mại Bảo Long tại Thanh Hóa.

Và một số đối tác khác trên địa bàn tỉnh như:

- Hợp tác xã Công nghiệp Thương mại Oanh Loan tại Hà Phú, Hà Trung, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Một thành viên Tòng Thiện tại Thạch Thành, Thanh Hóa
- Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa
- Xí nghiệp xây dựng Quốc Tuấn tại Thạch Thành, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hạnh Duy tại Bim Sơn, Thanh Hóa
- Công ty TNHH Xây dựng & Thương mại Tiến Đạt tại khu 3 Thạch Tân, Thanh Hóa

- Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Dung Kiên tại Bím Sơn, Thanh Hóa

Và một số đối tác khác ngoài tỉnh như:

- Công ty TNHH cơ khí và xây dựng Sơn Thành tại Ninh Bình
- Công ty TNHH một thành viên Hải An tại Tam Điệp, Ninh Bình
- Công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Việt Phát tại Hải Phòng
- Công ty cổ phần sản xuất xây dựng và thương mại Biển Đông tại Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội...

5.1.2: Hoạt động Thương Mại

Ngoài các sản phẩm của Công ty sản xuất, Công ty còn thực hiện mua bán thêm các loại Bột Talc, Bột Thạch anh, Bột CaCO_3 được sử dụng trong các sản phẩm cao cấp của ngành Công nghiệp sơn, giấy, cao su, nhựa....và các ứng dụng khác trong các ngành Công nghiệp.

5.1.3: Sản lượng sản phẩm và cơ cấu Doanh thu, Lợi nhuận

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011		2012	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I	Doanh thu bán hàng hóa						
	Doanh thu hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.867.750	68,05%	9.639.000	78,74%	5.612.280	63,84%
	Doanh thu thành phẩm: (đá xẻ xanh cao cấp, đá xẻ xanh Gambro, đá Thạch anh, Đá nguyên liệu XD, đá hộc)	3.224.297	31,95%	2.603.025	21,26%	3.178.452	36,16%
	Tổng cộng (I)	10.092.047	100%	12.242.025	100%	8.790.732	100%
II	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
	Lợi nhuận hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.074.357	65,20	1.473.696	70,25	867.981	55,30
	Lợi nhuận thành phẩm	573.343	34,80	624.092	29,75	701.605	44,70
	Tổng cộng (II)	1.647.787	100%	2.097.788	100%	1.569.586	100%

Doanh thu và Lợi nhuận gộp của SPI trong những năm qua đã có nhiều biến động tích cực.

Trong năm 2010, doanh thu về hàng hóa và cung cấp dịch vụ chiếm 68,05% tỷ trọng, còn lại doanh thu về thành phẩm chiếm 31,95% tỷ trọng. Đến năm 2011, do ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào, tuy tổng doanh thu bán hàng tăng hơn so với năm 2010 nhưng Lợi nhuận lại giảm hơn so với năm 2010, hơn nữa Doanh thu về thành phẩm chỉ đạt 21,26%.

Nhận thấy được sự suy giảm về doanh thu của các sản phẩm chính, ban Giám đốc Công ty đã họp lại và đưa ra định hướng phát triển cho các sản phẩm chính của Công ty trong các năm tiếp theo. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh sáu tháng đầu năm 2012 đạt kết quả khả quan cả về doanh thu và lợi nhuận. Sản phẩm và chất lượng sản xuất của SPI ngày càng dành được sự tín nhiệm của bạn hàng và các đối tác. Nhu cầu về đơn đặt hàng ngày càng gia tăng. Công suất và quy mô sản xuất của Công ty cũng được mở rộng hơn. Nhu cầu về các sản phẩm Đá xẻ xanh cao cấp và đá mài bóng góc cạnh trên thị trường bắt đầu tăng cao. Cùng với đó là việc cải thiện hiệu quả sản xuất, gia tăng thời gian và công suất nhà máy khai thác và tập trung khai thác các sản phẩm đã giúp công ty gia tăng Doanh thu và Lợi nhuận.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

– Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Thị Cẩm Thuý	Chủ tịch HĐQT	14/09/1971	1.737.500	69,5
2	Trần Quế Lâm	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	10/06/1967	20.000	0,80
3	Nguyễn Văn Phái	Ủy viên HĐQT	15/01/1944	3.000	0,12

4	Bùi Thị Thoa	Ủy viên HĐQT	29/01/1981	100	0,004
5	Đoàn Quốc Khánh	Ủy viên HĐQT	13/11/1992	3.000	0,12

– Danh sách Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Quế Lâm	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	10/06/1967	20.000	0,80

– Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
2	Nhâm Thị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	14/02/1983	500	0,02
3	Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban kiểm soát	05/05/1979	1.000	0,04
4	Trần Thị Thu Dung	Thành viên Ban kiểm soát	24/01/1990	500	0,02

– Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Phùng Hoàng Yến	Kế toán trưởng	16/02/1982	1.000	0,04

– Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

a/ Bà : ĐỖ THỊ CẨM THUY

– Chức vụ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/09/1971
- Chứng minh thư nhân dân : 011457853 cấp ngày 13/11/2002 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 87, phố Hoàng Ngân, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
1999 – 2002	Nhân viên công ty TNHH Thương mại Minh Phương
2003 – nay	Giám đốc CTCP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp, chủ tịch HĐQT CTCP Đá Split, Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản Hòa Bình.

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đá Split
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình, Giám đốc CTCP Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp.
- Số cổ phần sở hữu : 1.737.500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 4.200 cổ phần
- ❖ Họ tên: Nguyễn Thị Bích
 - Quan hệ: Mẹ
 - Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đỗ Phan Tiến
 - Quan hệ: Anh ruột

- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đỗ Phan Thắng
- Quan hệ: anh ruột
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đoàn Quốc Khánh
- Quan hệ: Con
- Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Ông : TRẦN QUẾ LÂM

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1967
- Chứng minh thư nhân dân : 011854292 cấp ngày 08/10/1997 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 62 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 1990 – 2009	Kinh doanh tự do
2010 – nay	Ủy viên HĐQT, Giám đốc công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : 20.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 300 cổ phần

❖ Họ tên: Đoàn Thị Hạnh

- Quan hệ: Vợ
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần

❖ Họ tên: Trần Thanh Huyền

- Quan hệ: con
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần

❖ Họ tên: Trần Đình Giang

- Quan hệ: con
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Ông : NGUYỄN VĂN PHÁI

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/01/1944
- Chứng minh thư nhân dân : 170184659 cấp ngày 01/05/2008 tại công an Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá
- Trình độ văn hóa : 10/10

- Trình độ chuyên môn :
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 2005 – nay	Chủ nhiệm Hợp tác xã công nghiệp Tân Sơn
Từ 2009 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ nhiệm hợp tác xã công nghiệp Tân Sơn.
- Số cổ phần sở hữu : 3.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

d/ Bà : BÙI THỊ THOA

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 29/01/1981
- Chứng minh thư nhân dân : 017084346 cấp ngày 01/09/2009 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Thu Quế, Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2004 – 2006	Nhân viên văn phòng Luật sư Thiện và Cộng sự
Từ 2006 – tháng 8/2009	Nhân viên Công ty Luật TNHH Tư vấn Bico
Từ tháng 9/2009 -12/2011	Nhân viên Công ty Cp Thiết bị và xây lắp Công nghiệp
Từ 02/2010 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình
Từ 03/2012 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cp Khoáng sản Hoà Bình;
- Số cổ phần sở hữu : 100 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

e/ Ông : ĐOÀN QUỐC KHÁNH

- Chức vụ tại Công ty : Ủy viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 13/11/1992
- Chứng minh thư nhân dân : 012863348 cấp ngày 21/03/2006 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 87 Hoàng Ngân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 08/2011 – nay	Nhân viên Công ty cổ phần Khoáng sản Hoà Bình
Từ 03/2012 - nay	Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Ủy viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Nhân viên Công ty cổ phần Khoáng sản Hoà Bình.
- Số cổ phần sở hữu : 3.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.737.500 cổ phần
- ❖ Họ tên: Đỗ Thị Cẩm Thuý
- Quan hệ: Mẹ
- Số cổ phần nắm giữ: 1.737.500 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Lý lịch ông Trần Quế Lâm – Giám đốc trong mục lý lịch thành viên HĐQT

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

- a/ Bà : NHÂM THỊ HÀ
- Chức vụ tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/02/1983

- Chứng minh thư nhân dân : 151357020 cấp ngày 31/03/1998 tại công an Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú : Đông Á, Đông Hưng, Thái Bình
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2006 – 12/2011	Nhân viên Công ty Cổ phần Thiết bị và xây lắp công nghiệp
Từ 03/2012 – nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Trưởng Ban kiểm soát Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần sở hữu : 500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : Không có ;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Bà : TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

- Chức vụ tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/05/1979
- Chứng minh thư nhân dân : 012013677 cấp ngày 10/01/2009 tại công an Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2000 – 03/2008	Nhân viên Cảng Quyển Lương, Hà Nội
Từ 04/2008– 12/2011	Công ty Cp Thiết Bị và Xây lắp Công nghiệp
Từ tháng 03/2012 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 1.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Bà : TRẦN THỊ THU DUNG

- Chức vụ tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 24/01/1990
- Chứng minh thư nhân dân : 091533139 cấp ngày 22/05/2005 tại công an Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Nguyên

- Địa chỉ thường trú : Phường Quang Vinh, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : cử nhân kế toán
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 10/2010 - nay	Nhân viên công ty CP Thiết bị và Xây Lắp Công Nghiệp
Từ 03/2012 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Nhân viên công ty CP Thiết bị và Xây Lắp Công Nghiệp;
- Số cổ phần sở hữu : 500 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không có;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lịch Kế toán trưởng

- Bà : PHÙNG HOÀNG YẾN
- Chức vụ tại Công ty : Kế toán trưởng
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 16/02/1982
 - Chứng minh thư nhân dân : 012239166 cấp ngày 26/06/2008 tại công an Hà Nội
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Hà Nội

- Địa chỉ thường trú : P201 A3, Tập thể Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 2005 –12/2009	Nhân viên kế toán cho công ty cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp
Từ 2010 – nay	Kế toán trưởng công ty cổ phần Đá Spilít

- Chức vụ hiện tại : Kế toán trưởng Công ty.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 1.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b) Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài cho Công ty là một trong những mục tiêu chiến lược hàng đầu và liên tục trong quá trình hoạt động. Tính đến hết năm 2011, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 50 người.

Đơn vị tính : Người

Yếu tố	31/12/2012
■ Số lượng nhân viên	50
Phân theo trình độ chuyên môn	
■ Trên đại học	
■ Đại học	5
■ Cao đẳng, Trung cấp	30
■ Khác	15
Phân theo thời hạn hợp đồng	
■ LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GD, PGD, KTT)	3
■ Hợp đồng không xác định thời hạn	12
■ Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	20
■ Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	15

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

 Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành khai thác và chế tác đá. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

 Chính sách lương

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 3.000.000 đồng/ tháng

- Lương bình quân của khối hành chính: 4.000.000 đồng/ tháng

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực khai thác mỏ nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

Trong năm công ty chủ yếu tập trung vào khai thác mỏ và chế biến sản phẩm không thực hiện đầu tư các dự án lớn

4. *Tình hình tài chính*

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
----------	----------	----------	-------------

Tổng giá trị tài sản	31.715.315.338	41.638.812.936	
Doanh thu thuần	12.242.025.200	12.625.208.680	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	440.337.505	767.273.627	
Lợi nhuận khác	(253.530.874)	(52.752.019)	
Lợi nhuận trước thuế	186.806.631	714.521.608	
Lợi nhuận sau thuế	140.104.974	589.429.479	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	101	236	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,11	1,73
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>	Lần	0,56	3,14
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,81	0,23
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	Lần	4,17	0,18
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	Vòng	1,64	0,46
Hàng tồn kho bình quân			
+ Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản:			
<u>Doanh thu thuần</u>	Lần	0,87	1,18
Tổng tài sản bq			

Các chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	7,08	0,52
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,63	3,60
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	6,17	1,14
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9,40	0,93

a) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiến hành đợt tăng vốn cổ phần nào.

b) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

c) Các chứng khoán khác:

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiến hành phát hành các loại chứng khoán khác.

❖ Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2012 phụ thuộc vào ba yếu tố chính: tình hình kinh tế thế giới, sức mạnh nội tại và ổn định kinh tế vĩ mô trong nước và sự điều hành của Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả ba yếu tố trên.

Trên cơ sở phân tích môi trường hoạt động kinh doanh, cùng với quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên cũng như ban lãnh đạo của Công ty, và để đạt chỉ tiêu kinh doanh năm 2012 của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao, SPI sẽ tập trung thực hiện nghiêm túc các giải pháp sau đây:

Một số chỉ tiêu trọng yếu năm 2012 dự kiến sẽ như sau:

STT	Chỉ tiêu	2012
1	Tổng Tài sản (tỷ đồng)	41,6 tỷ
2	Doanh thu	12,62 tỷ

3	Lợi nhuận trước thuế	714 triệu
4	Lao động cuối kỳ	50 người

1. Các giải pháp thực hiện :

- Tăng cường việc khai thác ở các mỏ để đảm bảo ổn định đơn hàng, ổn định nguồn vật tư, khai thác triệt để năng lực sản xuất để có sản lượng cao nhất.
- Tiếp tục tiến hành thanh lý các thiết bị lạc hậu, đầu tư bổ sung thêm thiết bị.
- Tăng cường sản lượng, tích cực bố trí lại đội ngũ công nhân sản xuất qua đó đẩy mạnh việc tăng năng suất lao động toàn công ty.
- Trong tình hình lạm phát, giá cả tăng cao, các bộ phận phòng ban, xí nghiệp cần đánh giá lại cung cách quản lý điều hành trong đơn vị, hợp lý hóa quy trình sản xuất, phân tích kỹ các khoản chi phí trong cơ cấu giá thành, để có biện pháp tiết giảm hợp lý, hạ giá thành sản phẩm.

2. Công tác điều hành sản xuất:

- Công ty tiếp tục thực hiện một cách triệt để mô hình khoán quản, đưa ra cơ chế rõ ràng xuyên suốt từ Công ty xuống tận tổ, đội sản xuất, người lao động, đồng thời phân định rõ quyền lợi và trách nhiệm của cá nhân, tập thể nhằm tạo sự chủ động, sáng tạo cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình tổ chức thi công.

- Nâng cao vai trò Quản lý dự án, ưu tiên đầu tư con người, đào tạo, công nghệ quản lý để đưa công tác quản lý dự án thành chuyên nghiệp, hiệu quả .

- Hiệu chỉnh định mức thi công nội bộ phù hợp với năng lực thi công, công nghệ thiết bị của Công ty, tạo sự cạnh tranh giữa các đơn vị sản xuất trong công ty.

– Công tác quản trị nhân lực:

Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách thu hút nhân lực, giữ chân người tài bằng các giải pháp:

- Tăng tỷ lệ chi phí đầu tư về trang thiết bị, môi trường và điều kiện làm việc cho CBCNV, đầu tư nghiên cứu cải tiến hệ thống quản lý cho phù hợp với thực tiễn đảm bảo nguyên tắc: cụ thể, rõ ràng, dễ áp dụng, định rõ trách nhiệm, quyền hạn và chế tài xử lý.
- Tăng mức đầu tư về tài chính, thời gian cho công tác tuyển dụng, đào tạo. Có chính sách thiết thực để thu hút các cán bộ quản lý, chuyên môn có trình độ, năng lực, giàu kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty.

- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt khá so với các đơn vị cùng ngành, theo nguyên tắc: hiệu quả công việc, hiệu quả doanh nghiệp và mặt bằng xã hội.

- Tăng cao hơn quỹ khen thưởng cho người lao động so với các năm trước, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

- Công tác thị trường:

Lập kế hoạch triển khai thi công đảm bảo mỗi công trình thực sự là một hình ảnh PR, quảng cáo của doanh nghiệp với đối tác, khách hàng.

Thực hiện nghiêm túc về việc xây dựng hình ảnh doanh nghiệp từ văn phòng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện đến các đơn vị sản xuất đảm bảo tính nhất quán, phù hợp với bộ nhận diện thương hiệu của công ty .

Duy trì tốt mối quan hệ với các thị trường đã có, ưu tiên đầu tư mở rộng các thị trường lớn, thị trường trọng điểm như:

3. Giải pháp về công nghệ:

Đầu tư tìm kiếm các công nghệ mới, hiện đại, tiếp cận hoặc tham gia thi công các công nghệ mới của các doanh nghiệp nước ngoài để học hỏi, chuyển giao nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, nâng cao vị thế cạnh tranh.

Ưu tiên vốn đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất chế biến sâu với tiêu chí: đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo khả năng thu hồi vốn tốt.

6. Giải pháp về tài chính :

Xác định nguồn vốn chủ đạo cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, do đó tập trung chỉ đạo tốt công tác khai thác và chú trọng vào sản phẩm đã qua chế biến.

Lợi nhuận hàng năm một phần chi trả cổ tức cho các cổ đông ở mức 5 - 7% phần còn lại dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh và tái đầu tư cho các dự án đầu tư dài hạn.

5. *Tình hình tài chính*

5.1 *Các chỉ tiêu cơ bản*

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao TSCĐ:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 10 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 07 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 năm

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Vào thời điểm 31/12/2012, Công ty không có bất kỳ khoản nợ nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

❖ Trích lập các Quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

ĐVT: nghìn đồng

Các quỹ	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.010
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	7.005
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	7.005

❖ Tình hình công nợ hiện nay:

Công nợ phải thu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, 31/12/2011, 31/12/2012

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012
1	Phải thu của khách hàng	8.914.989	7.221.061	9.889.485
2	Trả trước cho người bán	250.000	580.123	-
3	Các khoản phải thu khác	-	1.477.500	5.340.900
4	Thuế GTGT được khấu trừ	652.628	621.239	556.646
	Tổng cộng	9.817.617	9.899.923	15.787.031

Công nợ phải trả của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2010, 31/12/2011, 31/12/2012

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2012
1	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	15.191.004
2	Phải trả cho người bán	14.222.370	35.000	11.297.373
3	Người mua trả tiền trước	905.650	3.763.800	3.756.829
4	Thuế và các nghĩa vụ phải nộp nhà nước	270.771	1.009.425	589.429
5	Phải trả công nhân viên	95.186	79.911	87.085
6	Chi phí phải trả	-	-	-
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.146.000	961.794	63.640

	Tổng cộng	17.639.976	5.849.930	30.985
--	-----------	------------	-----------	--------

Trong năm 2012 công ty vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức, và chính sách quản lý nhằm tạo sự đồng bộ, nhất quán theo định hướng chung đã được định rõ của Đại hội cổ đông và ban lãnh đạo

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Chỉ tiêu	Năm 2013	
	Giá trị	% tăng giảm so với 2012
1. Vốn điều lệ (VND)	30.000.000.000	-
2. Doanh thu (VND)	15 tỷ	
3. Lợi nhuận sau thuế (VND)	1 tỷ	
4. Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	0,7 tỷ	

❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2012 là năm có nhiều biến động đối với tình hình kinh tế thế giới cũng như kinh tế Việt Nam. Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT đã chỉ đạo toàn Công ty quyết tâm, phấn đấu tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao (ĐHĐCĐ)

a. Thuận lợi:

Tập thể cán bộ công nhân viên tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với công ty, cần mẫn, siêng năng, tận tụy với công việc.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện hết vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo điều hành.

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh.

Trong sản xuất không để xảy ra thất thoát, lãng phí, triệt để tiết kiệm, an toàn lao động và đặc biệt không mắc phải sai lầm trong việc thực hiện khai thác khoáng sản, đây là thành quả quan trọng nhất.

Diễn cảnh kinh tế trong và ngoài nước năm 2011 có nhiều thách thức, bất ổn, ảnh hưởng rất lớn, công ty phải đối mặt nhiều khó khăn...Tuy nhiên công ty cũng đã đạt được các mục tiêu, kế hoạch đã đặt ra, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá ổn định hàng năm.

b. Khó khăn:

Năm 2012 công ty đã thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và đạt kết quả khả quan, tuy nhiên do thông thường việc lập dự thảo kế hoạch kinh doanh vào cuối năm trrước nên không lường được hết những nhân tố ảnh hưởng tác động từ yếu tố khách quan.

Tài nguyên nhân lực chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển nhanh chóng của công ty, thiếu nhân sự cấp trung, cấp cao. Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty cần tập trung các giải pháp đồng bộ để xây dựng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng ngân tầm với trình độ công nghệ và sự phát triển toàn diện công ty.

Mặc dù định mức chi phí sản xuất được tiết giảm khá tốt trong năm qua nhưng khả năng còn có thể giảm thiểu hơn nữa nhất là điện, và công suất vận hành máy của các xí nghiệp cần quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm tối đa chi phí sản xuất để gia tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh giá cả chi phí đầu vào leo thang từ đầu năm 2012.

Cơ cấu vốn mặc dù có cải thiện hơn năm 2010, nhưng chưa cân đối phù hợp làm gia tăng áp lực nặng nề lên các mặt hoạt động kinh doanh, công ty không có điều kiện nắm bắt cơ hội bước sóng giá cả để chủ động khai thác các lợi thế có thể phát sinh lợi đột biến.

2. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Năm 2013, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;
- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2013 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 và đạt mức tăng trưởng cao;
- Đổi mới chính sách lương thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;

- Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa của các cổ đông cũng như quan tâm đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của toàn thể CBCNV trong Công ty;

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá Split không có tiểu ban trực thuộc

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Đỗ thị Cẩm Thúy	Chủ tịch	01	100%	
2	Trần Quế Lâm	Thành viên	01	100%	
3	Đoàn Quốc Khánh	Thành viên	01	100%	
4	Nguyễn Văn Phái	Thành viên	01	100%	
5	Bùi Thị Thoa	Thành viên	01	100%	

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định để đề ra nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban giám đốc điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các dự án đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua.

Hội đồng quản trị thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ của mình, giám sát tốt việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty. Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc, Ban điều hành; quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng; cụ thể:

- + Tổ chức họp xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2012;
- + Thành lập Tổ thẩm định để thẩm định toàn bộ công tác thực hiện đầu tư các dự án trong năm 2012: từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và nghiệm thu quyết toán.
- + Thành lập Hội đồng định mức để xây dựng và thống nhất toàn bộ hệ thống các tiêu chuẩn, định mức trong sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Kiểm tra tình hình chấp hành tuân thủ các quy định của Pháp luật đối với hoạt động của Công ty.
- + Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ra quyết định

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đá Spilit không tiểu ban trực thuộc.

a) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có 03 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;

Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2012.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2012 của Công ty.

Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao HĐQT, BKS năm 2012 là:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 3.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho Thành viên HĐQT: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Trưởng BKS: 1.500.000 đồng/tháng
- Thù lao cho Thành viên BKS: 1.000.000 đồng/người/tháng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Năm 2012, Cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Đá Spilit không có giao dịch cổ phiếu nào.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Năm 2012, Cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Đá Spilit không có giao dịch nào với công ty.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2012, Công ty Cổ phần Đá Spilit không có nội dung nào chưa thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý công ty.

❖ **Báo cáo tài chính**

1. *Ý kiến kiểm toán*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đá Spilit*

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đá Spilít

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đá Spilít được lập ngày 16/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đá Spilít tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ
TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT
Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Xuân Hoà
Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Nguyễn Đại Hùng
Chứng chỉ KTV số: 1000/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	12/31/2012	1/1/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		30.687.087.336	18.394.081.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	141.377.720	201.612.317
111	1. Tiền		141.377.720	201.612.317
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.230.385.000	9.278.684.007
131	1. Phải thu khách hàng		9.889.485.000	7.221.060.750
132	2. Trả trước cho người bán		-	580.123.257
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.02	5.340.900.000	1.477.500.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.03	14.758.677.655	8.292.545.006
141	1. Hàng tồn kho		14.758.677.655	8.292.545.006
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		556.646.961	621.239.892
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		556.646.961	621.239.892
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.951.725.600	13.321.234.116
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		10.951.725.600	13.301.523.055
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.04	10.533.587.945	12.850.052.050
222	- Nguyên giá		14.337.396.364	14.337.396.364
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.803.808.419)	(1.487.344.314)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.05	-	33.333.350
228	- Nguyên giá		200.000.000	200.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(200.000.000)	(166.666.650)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	418.137.655	418.137.655
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	19.711.061
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.07	-	19.711.061
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		41.638.812.936	31.715.315.338



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	12/31/2012	1/1/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		15.191.004.262	5.849.930.894
310	I. Nợ ngắn hạn		15.191.004.262	5.849.930.894
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		11.297.363.243	35.000.000
313	3. Người mua trả tiền trước		3.376.829.250	3.763.800.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.08	313.206.520	1.009.425.194
315	5. Phải trả người lao động		132.960.000	79.910.769
316	6. Chi phí phải trả		-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.09	63.640.000	961.794.931
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.005.249	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.447.808.674	25.865.384.444
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.447.808.674	25.865.384.444
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.10	25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		14.010.497	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.005.249	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.10	1.426.792.928	865.384.444
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		41.638.812.936	31.715.315.338



CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	12/31/2012	1/1/2012
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Nguyễn Thị Len

Lê Thị Dung

Trần Quế Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.11	12.625.208.680	12.242.025.200
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.12	12.625.208.680	12.242.025.200
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.13	10.751.285.462	10.594.238.009
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.873.923.218	1.647.787.191
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.14	2.141.026	4.544.899
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		170.890.248	513.333.336
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		937.900.369	698.661.249
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		767.273.627	440.337.505
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		52.752.019	253.530.874
40	13. Lợi nhuận khác		(52.752.019)	(253.530.874)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		714.521.608	186.806.631



...: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ SPILIT::...

Địa chỉ: xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 037.3621880

Fax: 037.3621880

Website: www.spilit.com.vn

51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.15	125.092.129	46.701.657
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		589.429.479	140.104.974
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.16	236	101

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Nguyễn Thị Len

Lê Thị Dung

Trần Quế Lâm



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		11.219.305.298	13.630.672.800
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(9.071.187.000)	(18.798.178.484)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.002.254.161)	(902.355.691)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(98.469.578)	(5.839.809)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		187.249.415	24.962.814.314
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.297.019.597)	(22.889.568.943)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.375.623)	(4.002.455.813)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(11.627.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.141.026	4.544.899
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.141.026	(7.082.374)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.125.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	4.125.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(60.234.597)	115.461.813
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		201.612.317	86.150.504
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		141.377.720	201.612.317
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		141.377.720	201.612.317

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc

Nguyễn Thị Len

Lê Thị Dung

Trần Quế Lâm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đá Spilít được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801330959, lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2009 và đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 05 tháng 05 năm 2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 05 tháng 05 năm 2011 là 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng chẵn*). Vốn điều lệ thực góp của Công ty đến thời điểm ngày 31/12/2012 là 25.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi năm tỷ đồng chẵn*).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao (Sản xuất vôi); Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất gạch); Chuẩn bị mặt bằng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Khai thác và chế biến các loại khoáng sản trừ quặng uranium, quặng thorium, quặng sắt, crom và khoáng sản Nhà nước cấm); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Khai thác và thu gom than cứng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (Dịch vụ khoan nổ mìn); Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Sản xuất phân lân hữu cơ sinh học); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình thủy lợi);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác và thu gom than non; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng nhà các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lò sưởi và điều hòa không khí.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng



Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho*

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với từng mặt hàng.

c) *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	3-10 năm
- Máy móc, thiết bị	3-7 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị quản lý	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính



Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty
(Đã ký)**

TRẦN QUẾ LÂM